

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NG
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07 – 5 – 2025

V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Tươi

Ông Trần Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tô Kim N, sinh năm 1981 (Có mặt)

Cư trú: Khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Võ Trúc B, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Cư trú: Ấp Biện Nhạn, xã Viên An Đông, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 02 năm 2025 nguyên đơn bà Tô Kim N trình bày:

Về Hôn nhân: Tôi và ông B tự nguyện chung sống và tổ chức đám cưới với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân giữa tôi và anh B là hôn nhân tự nguyện.

Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, hai người tính tình không còn phù hợp, sống với nhau không cảm thấy hạnh phúc, gia đình có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay bản thân xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, không thể duy trì bền lâu được nên tôi yêu cầu xin được ly hôn với ông B.

Về phần con: Tôi và ông B có 02 người con chung tên: Võ Nhật Hào, sinh ngày 18/05/2006 và Võ Thiên Hào, sinh ngày 13/03/2022. Hiện nay các con đang sống với ông B. Về Võ Nhật Hào hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu, đối với Võ Thiên Hào, tôi đồng ý tiếp tục giao cho ông B nuôi dưỡng, tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Võ Trúc B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Tô Kim N khởi kiện xin ly hôn với ông Võ Trúc B, địa chỉ: ấp Biện Nhạn, xã Viên An Đông, huyện Ng, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ông Võ Trúc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên ông B vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông B tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Bà Tô Kim N và ông Võ Trúc B tự nguyện chung sống vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, do đó hôn nhân giữa bà N và ông B là hợp pháp. Bà N trình bày trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm, gia đình hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông B. Ông B đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc bà N xin ly hôn, tuy nhiên ông B vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản hồi. Mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông B là thực tế có xảy ra. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày xét xử bà N và ông B vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng lại với nhau. Xét thấy, hôn nhân của bà N và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tô Kim N đối với ông Võ Trúc B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà N và ông B có 02 người con chung tên: Võ Nhật Hào, sinh ngày 18/05/2006 và Võ Thiên Hào, sinh ngày 13/03/2022. Đối với Võ Nhật Hào hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu. Võ Thiên Hào đang sống chung với ông B, sau khi ly hôn bà N đồng ý tiếp tục giao cho ông B nuôi dưỡng, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Theo lời trình bày và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thấy rằng điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo cuộc sống cháu Hảo thì ông B có đủ điều kiện. Xét thấy, cháu Hảo đã sống chung với ông B từ nhỏ, ổn định cuộc sống, tinh thần. Đồng thời phù hợp với đơn ngày 26/02/2025 của cháu Hảo có nguyện vọng được sống với ông B. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao con cho ông B nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với bà N là mẹ của cháu Hảo vẫn có quyền được thăm nom con mà không ai được phép ngăn cản.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N và ông B không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, thì bà N phải nộp 300.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu bà Tô Kim N được ly hôn với ông Võ Trúc B.

2. Về con chung: Giao cho ông Võ Trúc B được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc Võ Thiên Hảo, sinh ngày 13/03/2022.

Bà Tô Kim N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), bà N có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0015302 ngày 03/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ng được chuyển thu.

Án xử sơ thẩm công khai, bà N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc Nêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ng;
- CC THADS huyện Ng;
- UBND phường 8, thành phố Cà Mau;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Minh Tính